

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ- ST
Ngày 28-6-2019
V/v ly hôn và nuôi con chung
sau khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hà Thị Minh Quế

- Ông Phạm Thanh Châu Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-6-2019; quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18-6-2019 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Minh M), sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 27-10-2000, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 13 (nay là thôn Yên Tiên), xã Y, huyện V. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên đi uống rượu về nhà chửi

mắng, đánh đập đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi ở thôn T, xã Y, huyện Vn sống ly thân anh L từ năm 2015. Nay tôi xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh L.

Về con chung: Tôi và anh L có hai con chung tên là Nguyễn Văn L, sinh ngày 28-8-2001 và cháu Nguyễn Hoài L1, sinh ngày 06-12-2005, Cháu L và cháu L1 có nguyện vọng ở với anh L tôi đồng ý. Cháu L đã có việc làm ổn định và có thu nhập nên tôi không phải cấp dưỡng. Còn cháu L1 còn nhỏ đang đi học tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56 và 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ Luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L; giao hai cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 28-8-2001 và cháu Nguyễn Hoài L1, sinh ngày 06-12-2005 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm*: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 27-10-2000, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên đi uống rượu về nhà chửi mắng, đánh đập, đuổi chị M ra khỏi nhà. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Y, huyện Vn sống ly thân anh L từ năm 2015. Qua xác minh tại thôn xóm nơi chị M và anh L cư trú sinh sống cũng xác nhận: Cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M đã bỏ nhà đi không chung sống cùng anh L nữa. Nguyên nhân chị M bỏ nhà đi là do anh L bị HIV do một lần đi làm bè mảng có chích sử dụng chung bơm kim tiêm. Hiện nay anh L hàng tháng vẫn đi lấy thuốc về điều trị. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị M và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị M được ly hôn anh L.

{4} *Về con chung*: Chị M và anh L có hai con chung tên là Nguyễn Văn L, sinh ngày 28-8-2001 và cháu Nguyễn Hoài L1, sinh ngày 06-12-2005. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị M nhất trí để anh L trực tiếp nuôi cháu L và cháu L1, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng. Hiện nay cháu L và cháu L1 đang ở cùng anh L, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh L. Nên yêu cầu của chị M để anh L trực tiếp nuôi cháu L, cháu L1 và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế được chấp nhận. Áp dụng các điều 81, 82 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Nguyễn Văn L và cháu Nguyễn Thị L1 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7-2019 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 147, khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Minh M) được ly hôn anh Nguyễn Văn L

2- *Về con chung xử*: Giao hai cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 28-8-2001 và cháu Nguyễn Hoài L1, sinh ngày 06-12-2005 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 7-2019 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị M chưa thanh toán hết khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh L thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*:

- Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0001353 ngày 08-5-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị M còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- *Quyền kháng cáo*:

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
- UBND xã Y;
- Các đường sự (02);
- Lưu HS. TA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh

